

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HS-ST

Ngày: 14-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hiến Công Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Huệ và ông Đỗ Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nông Thiêm Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Chí Th (tên gọi khác: Không); Sinh ngày: 09/3/1989; tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Th; vợ là Nông Thị X; con: 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/9/2024, hiện đang tại ngoại tại Tổ dân phố A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Phạm Thị O, sinh năm 1981, trú tại Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

2. Hoàng Gia T, sinh năm 1986, trú tại Tiểu khu B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

3. Nông Thị L, sinh năm 1986, trú tại Tiểu khu B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

4. Hứa Xuân K, sinh năm 1994, trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

5. Lương Cảnh D, sinh năm 1989, trú tại Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

6. Nguyễn Trọng L, sinh năm 1986, trú tại Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

7. Lành Quốc Tr, sinh năm 1991, trú tại Tiểu khu B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

8. Hoàng Thị M, sinh năm 1979, trú tại Tiểu khu B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

9. Nguyễn Thị V, sinh năm 1983, trú tại Tiểu khu B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

10. Tô Văn D1, sinh năm 1981, trú tại Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

11. Chu Thị H1, sinh năm 1976, trú tại Tiểu khu B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

12. Hoàng Văn H2, sinh năm 1984, trú tại thôn D, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

13. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1977, trú tại thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

14. Nông Thị X, sinh năm 1995; trú tại Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Chí Th là chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Chí Th, được Phòng Tài chính - Kế hoạch Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 13C80001216, đăng ký lần thứ nhất ngày 09/5/2017, đăng ký thêm ngành nghề kinh doanh ngày 10/6/2019. Địa điểm kinh doanh: Tiểu khu A, thị trấn p, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Năm 2020 chuyển địa điểm kinh doanh đến Tiểu khu B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn). Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ in ấn, in thiệp cưới,

thiệp mời, in phong bạt quảng cáo; Gia công cơ khí, nhôm kính; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: xen hoa, cửa sắt, mái tôn...; Dịch vụ photo; Bán hàng văn phòng phẩm; Bán hàng tạp hóa; Bán thiết bị điện nước; Bán vật liệu xây dựng; Mua bán thiết bị và linh kiện điện tử: Mua bán điện thoại, máy tính xách tay, camera... Vốn kinh doanh: 300.000.000 đồng. Họ và tên đại diện hộ kinh doanh là Nguyễn Chí Th, đăng ký mã số thuế và kê khai hồ sơ nộp thuế tại Chi cục Thuế khu vực B - N - P.

Từ khi thành lập đến nay, Nguyễn Chí Th là người trực tiếp thực hiện điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, quản lý con dấu, hóa đơn của Hộ kinh doanh. Từ năm 2019 đến năm 2021 Hộ kinh doanh Nguyễn Chí Th đã đăng ký mua, sử dụng 11 (mười một) quyển hóa đơn bán hàng tại Chi cục Thuế khu vực B - N - P. Quá trình hoạt động kinh doanh từ năm 2019 đến năm 2021, Nguyễn Chí Th đã bán trái phép 20 (hai mươi) số hóa đơn bán hàng ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu trên địa bàn huyện N, tỉnh Bắc Kạn và huyện Ng, tỉnh Cao Bằng với giá bán bằng 10% tổng số tiền ghi trên mỗi hóa đơn. Cụ thể như sau:

1. Bán cho bà Phạm Thị O 01 (một) số hóa đơn bán hàng, cụ thể:

Tháng 12/2019 bà Phạm Thị O công tác tại UBND thị trấn P là thành viên Ban quản lý Chương trình Childfund huyện N, để phục vụ Cuộc thi tìm hiểu kiến thức về giới-bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bà O đã đặt làm ma-ket cuộc thi với Nguyễn Chí Th. Ngoài ra, bà O đã thuê trang phục, mua giày phục vụ biểu diễn tại cửa hàng bà Dương Thị Bích H, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nhưng không có hóa đơn. Khi Th viết hóa đơn số 0088607 ngày 11/12/2019, ngoài mục “ma-ket tìm hiểu kiến thức về giới-bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình” mua thực tế (số tiền 500.000 đồng), bà O đã thỏa thuận ghi thêm mục “trang phục váy nữ, váy bông, trang phục nam, giày biểu diễn” với số tiền 1.320.000 (một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) và được Th đồng ý. Sau khi mua được hóa đơn, bà O trả cho Th số tiền 132.000 đồng tiền mặt (bằng 10% số tiền ghi thêm trên hóa đơn).

2. Bán cho ông Hoàng Gia T một số hóa đơn bán hàng, cụ thể:

- Tháng 12/2019, ông Hoàng Gia T là cán bộ Phòng Nội vụ - UBND huyện N, để mua bánh kẹo làm quà tặng các điểm nhóm tôn giáo dịp Noel 2019 theo chương trình của đơn vị, ông T đã mua hàng hóa (bánh kẹo) với các cửa hàng tạp hóa (không nhớ địa chỉ) nhưng không có hóa đơn. Khi thực hiện thủ tục thanh quyết toán, ông T đã liên hệ với Nguyễn Chí Th và thỏa thuận mua 01 (một) số hóa đơn của Th với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, Th đồng ý. Sau đó Th bán cho ông T 01 (một) hóa đơn số 0088618, ghi ngày 19/12/2019, người mua hàng Hoàng Gia T, tên đơn vị Phòng Nội vụ - UBND huyện N, nội dung hàng hóa: Mua

quà tặng các điểm nhóm tôn giáo dịp Noel 2019 có bảng kê kèm theo, số tiền ghi trên hóa đơn là 5.000.000 (năm triệu đồng). Sau khi nhận được hóa đơn, ông T thực hiện các thủ tục thanh quyết toán và số tiền 5.000.000 đồng được chuyển vào tài khoản ngân hàng của Th số 8604205030445 mở tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện N, tỉnh Bắc Kạn, sau đó Th giữ lại số tiền 500.000 đồng (tiền bán hóa đơn) và trả lại cho ông T số tiền 4.500.000 đồng tiền mặt.

- Tháng 12/2020, do đã mua sắm hàng hóa (bánh kẹo) làm quà tặng các điểm nhóm tôn giáo dịp Noel 2020 tại các cửa hàng tạp hóa (không nhớ địa chỉ) và không có hóa đơn nên ông T đã liên hệ Th mua 01 (một) số hóa đơn để làm thủ tục thanh quyết toán với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn và được Th đồng ý. Th đã bán cho ông T 01 (một) hóa đơn số 0094139, ghi ngày 16/12/2020 người mua hàng: Hoàng Gia T, tên đơn vị: Phòng Nội vụ thuộc UBND huyện N, nội dung hàng hóa: Mua quà tặng các điểm nhóm tôn giáo dịp Noel 2020 có bảng kê kèm theo, số tiền ghi trên hóa đơn là 5.000.000 (năm triệu đồng). Sau khi ông T thực hiện các thủ tục thanh quyết toán thì số tiền 5.000.000 đồng được chuyển vào tài khoản ngân hàng của Th. Th giữ lại số tiền 500.000 đồng (bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn) và trả lại cho ông T số tiền 4.500.000 đồng.

3. Bán cho bà Nông Thị L 01 (một) số hóa đơn bán hàng, cụ thể:

Tháng 05/2020, bà Nông Thị L là nhân viên y tế Trường Mầm non Quốc lập K mua “Tranh bịt y tế” với Nguyễn Chí Th với số tiền 3.185.000 (ba triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Ngoài ra, bà L còn mua mặt hàng thuốc phun muỗi Map Perme Thein 50EC tại cửa hàng vật tư nông nghiệp Đ, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nhưng không có hóa đơn bán hàng. Khi Th viết hóa đơn, bà L đã thỏa thuận với Th để ghi thêm mặt hàng không mua thực tế với Th (thuốc phun muỗi) và sẽ trả cho Th số tiền 10% trên tổng số tiền ghi thêm, Th đồng ý. Th bán cho bà L 01 (một) hóa đơn số 0008371, ghi ngày 12/6/2020, tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 5.685.000 (năm triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng), trong đó số tiền thuốc phun muỗi là 2.500.000 đồng. Sau khi bà L thực hiện các thủ tục thanh quyết toán thì số tiền 5.685.000 đồng được chuyển vào tài khoản ngân hàng của Th. Th giữ lại số tiền đã bán hàng thực tế và 250.000 đồng là tiền bán hóa đơn (bằng 10% số tiền ghi thêm trên hóa đơn), số tiền còn lại trả cho bà L.

4. Bán cho ông Hứa Xuân Kh 01 (một) số hóa đơn bán hàng:

Tháng 12/2020, ông Hứa Xuân Kh - kinh doanh cơ khí tại xã T, huyện Ng, tỉnh Cao Bằng đã thi công lắp cửa sắt phòng dân quân cho UBND xã T, huyện Ng, tỉnh Cao Bằng nhưng không có hóa đơn. Để thực hiện thủ tục thanh quyết toán, ông Kh liên hệ với Nguyễn Chí Th và thỏa thuận mua 01 số hóa đơn của Th với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn và được Th đồng ý. Sau đó Th bán cho ông Kh 01 số hóa đơn số 0094145, ghi ngày 22/12/2020 tên người mua hàng:

Lý Huy H, tên đơn vị: UBND xã T, huyện Ng, tỉnh Cao Bằng, nội dung hàng hóa: Cửa sắt phòng dân quân, số tiền ghi trên hóa đơn là 1.400.000 (một triệu bốn trăm nghìn đồng). Sau khi mua được hóa đơn với Th, ông Kh giao lại hóa đơn cho UBND xã Th để thực hiện thanh quyết toán theo quy định. Th được ông Kh trả số tiền 140.000 đồng tiền mặt (tiền mua hóa đơn).

5. Bán cho ông Lường Cảnh D 01 (một) số hóa đơn bán hàng, cụ thể:

Tháng 10/2020, ông Lường Cảnh D là Bí thư Đoàn Thanh niên thị trấn P, để chuẩn bị cho giải bóng chuyền da nam do UBND thị trấn P tổ chức, ông D đã mua sắm mặt hàng quần áo thể thao tại cửa hàng ở khu vực thành phố Bắc Kạn (không nhớ địa chỉ cụ thể) nhưng không có hóa đơn. Khi thực hiện thủ tục thanh quyết toán, ông D đã liên hệ với Nguyễn Chí Th và thỏa thuận mua 01 số hóa đơn của Th với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, Th đồng ý. Sau đó, Th bán cho ông D 01 hóa đơn số 0094110, ghi ngày 05/10/2020, người mua hàng: Lường Cảnh D, đơn vị: UBND thị trấn P, nội dung hàng hóa: Mua quần áo thể thao phục vụ giải bóng chuyền da nam, chào mừng kỷ niệm ngày truyền thống hội thanh niên Việt Nam, chào mừng thành công đại hội Đảng bộ huyện N, số tiền ghi trên hóa đơn 3.000.000 đồng. Sau khi ông D thực hiện các thủ tục thanh quyết toán thì số tiền 3.000.000 (ba triệu đồng) được chuyển vào tài khoản ngân hàng của Th. Th giữ lại số tiền 300.000 đồng tiền bán hóa đơn (bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn) và trả số tiền còn lại cho ông D.

6. Bán cho ông Nguyễn Trọng L 01 (một) số hóa đơn bán hàng, cụ thể:

Tháng 10/2020, Nguyễn Trọng L là Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự thị trấn P, để phục vụ hoạt động tổ chức Lễ trao tặng nhà tình nghĩa của thị trấn, ông L có đặt làm một số ma kết, băng zôn tuyên truyền với Th. Ngoài ra, ông L còn mua sắm hàng hóa là đồng hồ tại cửa hàng L, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Khi Th viết hóa đơn, ông L đã thỏa thuận với Th ghi thêm mặt hàng đồng hồ với số tiền 450.000 (bốn trăm nghìn đồng) và trả cho Th 10% số tiền hàng hóa ghi thêm, Th đồng ý. Th bán cho ông L 01 hóa đơn số 0094112, ghi ngày 28/10/2020 người mua hàng: Nguyễn Trọng L, tên đơn vị: Ban chỉ huy Quân sự thuộc UBND thị trấn P, nội dung hàng hóa: 01 bảng ma kết, 01 băng zôn tuyết chữ, 02 cái băng zôn tuyên truyền, quà tặng đồng hồ, tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 2.450.000 (hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi hoàn thiện chứng từ quyết toán, số tiền 2.450.000 đồng được chuyển vào tài khoản ngân hàng của Th, Th giữ lại số tiền bán hàng thực tế và 45.000 đồng tiền bán hóa đơn, số tiền còn lại Th trả lại ông L.

7. Bán cho ông Lành Quốc Tr 01 (một) số hóa đơn bán hàng, cụ thể:

Năm 2020, ông Lành Quốc Tr là cán bộ Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện N mua sắm mặt hàng điện thoại ở các cửa hàng (không nhớ địa chỉ) nhưng

không có hóa đơn, ông Tr liên hệ và thống nhất mua với Th 01 (một) hóa đơn để làm chứng từ thanh quyết toán và được Th đồng ý. Thức bán cho ông Tr 01 (một) hóa đơn số 0094148, ghi ngày 30/12/2020, người mua hàng Lành Quốc Tr, tên đơn vị: Ngân hàng Agribank Chi nhánh N, nội dung hàng hóa: điện thoại di động cao cấp, điện thoại di động, số tiền ghi trên hóa đơn: 25.000.000 (hai mươi lăm triệu đồng). Sau khi có được hóa đơn, ông Tr làm các thủ tục thanh quyết toán và số tiền 25.000.000 đồng được chuyển vào tài khoản ngân hàng của Th, Th giữ lại số tiền 2.500.000 đồng (bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn) là tiền bán hóa đơn và trả lại cho ông Tr số tiền 22.500.000 đồng.

8. Bán cho bà Hoàng Thị M 01 (một) số hóa đơn bán hàng, cụ thể:

Tháng 10/2020, bà Hoàng Thị M là Giáo viên trường THCS-THPT P, để mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động Tọa đàm 20-10, bà M đã mua với Th 01 “Ma kết tọa đàm 20/10”. Ngoài ra, bà M còn mua các hàng hóa, dịch vụ khác: mua bánh kẹo tại cửa hàng tạp hóa T, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn P, huyện N, mua hoa tại khu vực chợ Đ, thành phố Bắc Kạn, mua bóng chày hơi tại khu vực thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn và thuê tăng âm, loa đài của hộ kinh doanh Nguyễn Văn Ng, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nhưng không có hóa đơn bán hàng. Khi Th viết hóa đơn, bà M đã thỏa thuận với Th sẽ ghi thêm hàng hóa, dịch vụ không mua thực tế với Th (bánh kẹo, bóng chày hơi, hoa, thuê tăng âm loa đài) và trả cho Th số tiền 10% trên tổng số tiền ghi thêm thì được Th đồng ý. Th bán cho bà M 01 hóa đơn số 0094105, ghi ngày 20/10/2020, tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 3.675.000 (ba triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), trong đó số tiền ghi thêm là 3.275.000 đồng. Sau đó, Th được bà M trả số tiền 327.500 đồng tiền mặt (tiền bán hóa đơn).

9. Bán cho bà Nguyễn Thị V 04 (bốn) số hóa đơn bán hàng, cụ thể:

- Hóa đơn số 0094119, ghi ngày 30/10/2020, người mua hàng: Nguyễn Thị V, tên đơn vị: Trường THCS-THPT P, nội dung hàng hóa: Thuê tăng âm loa đài, số tiền ghi trên hóa đơn 1.000.000 (một trăm nghìn đồng). Thực tế, bà V thuê tăng âm, loa đài ở hộ kinh doanh Nguyễn Văn Ng, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn P, huyện N nhưng không có hóa đơn. Sau khi mua được hóa đơn với Th, bà V trả cho Th số tiền 100.000 đồng (bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn).

- Hóa đơn số 0094117, ghi ngày 25/11/2020, người mua hàng: Nguyễn Thị V, tên đơn vị: Trường THCS-THPT P, nội dung hàng hóa: Tuýp chữ hội thi cắm hoa nghệ thuật chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20-11, thuê loa đài, nước uống, số tiền ghi trên hóa đơn: 1.780.000 (một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó số tiền thực tế mua hàng của Th là 300.000 đồng (tuýp chữ), số tiền ghi thêm là 1.480.000 đồng. Thực tế bà V thuê loa đài tại cửa hàng K, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn P, huyện N và mua nước uống ở cửa hàng tạp hóa Tr, địa chỉ: Tiểu khu A, thị

trần P, huyện N nhưng không có hóa đơn. Đối với việc bán hóa đơn trên, Th nhận số tiền 100.000 đồng của bà V.

- Hóa đơn số 0078990 ngày 11/11/2021, người mua hàng: Nguyễn Thị V, tên đơn vị: Trường THCS-THPT P, nội dung hàng hóa: Thuê loa đài, nước uống phục vụ ngoại khóa, quà cho trò chơi khán giả, số tiền ghi trên hóa đơn 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn đồng). Thực tế, bà V thuê loa đài ở hộ kinh doanh Nguyễn Văn Ng, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn P, huyện N và mua nước uống, quà (kẹo, bim bim) ở cửa hàng tạp hóa Tr, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn P, huyện N nhưng do không có hóa đơn. Bà V đã trả cho Th số tiền 110.000 đồng (bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn).

- Hóa đơn số 0078992, ngày 11/11/2021, người mua hàng: Nguyễn Thị V, tên đơn vị: Trường THCS-THPT P, nội dung hàng hóa: Thuê loa đài, nước uống, số tiền ghi trên hóa đơn 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn đồng). Thực tế, bà V thuê loa đài của hộ kinh doanh Nguyễn Văn Ng, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn P, huyện N, mua nước uống ở cửa hàng tạp hóa Tr, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn P, huyện N nhưng không có hóa đơn. Bà V đã trả cho Th số tiền 120.000 đồng tiền mua hóa đơn (bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn).

10. Bán cho ông Tô Văn D 01 (một) số hóa đơn bán hàng, cụ thể:

Năm 2020, ông Tô Văn D là nhân viên văn thư của Trường THCS-THPT P đặt làm ma-ket bế giảng năm học 2019-2020 và khai giảng năm học 2020-2021 với Th. Ngoài ra ông D còn thuê tăng âm, loa đài với hộ kinh doanh Nguyễn Văn N, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn P, huyện N nhưng không có hóa đơn. Khi Th viết hóa đơn, ông D đã thỏa thuận với Th ghi thêm loại hàng hóa, dịch vụ “thuê tăng âm, loa đài” với số tiền 1.000.000 (một triệu đồng) và sẽ trả Th số tiền 10% số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi thêm, Th đồng ý. Th bán cho ông D hóa đơn số 0091398, ghi ngày 01/10/2020, người mua hàng: Tô Văn D, tên đơn vị: Trường THCS-THPT P, nội dung hàng hóa: Ma kết bế giảng năm học 2019-2020, ma kết khai giảng năm học 2020-2021; thuê tăng âm, loa đài khai giảng năm học 2020-2021, tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn đồng). Sau khi hoàn thiện chứng từ quyết toán, số tiền 1.600.000 đồng được chuyển vào tài khoản ngân hàng của Th, Th giữ lại số tiền bán hàng thực tế và 100.000 đồng tiền bán hóa đơn, số tiền còn lại Th trả lại ông D.

11. Bán cho bà Chu Thị H 01 (một) số hóa đơn bán hàng, cụ thể:

Tháng 9/2020, bà H là giáo viên Trường THCS-THPT P được phân công chuẩn bị hoạt động vui tết trung thu cho đơn vị, bà H có đặt làm tuýp chữ với Thúc. Ngoài ra, bà H còn mua các mặt hàng hoa quả, bánh kẹo, nước ngọt tại cửa hàng tạp hóa T, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn P, huyện N, thuê tăng âm, loa đài tại cửa hàng Th, địa chỉ: Tiểu khu, thị trấn P, huyện N và thuê trang phục văn nghệ tại cửa hàng

bà Dương Thị Bích H, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nhưng không có hóa đơn. Khi đến lấy hóa đơn để thanh quyết toán, bà H thỏa thuận với Th sẽ ghi thêm mặt hàng mà bà H mua sắm ở cửa hàng khác nhưng không có hóa đơn thì được đồng ý. Th bán cho bà H 01 hóa đơn số 0091397, ghi ngày 30/9/2020, nội dung hàng hóa: mâm cỗ, thuê tăng âm, loa đài; quà cho các trò chơi, thuê trang phục văn nghệ, tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 3.950.000 (ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng (trong đó, số tiền hàng hóa ghi thêm là 3.650.000đ)). Th được bà H trả số tiền bán hóa đơn là 365.000 đồng tiền mặt.

12. Bán cho ông Hoàng Văn H 04 (bốn) số hóa đơn bán hàng, cụ thể:

- Hóa đơn số 0081622, ghi ngày 24/12/2021, người mua hàng Hoàng Văn H, tên đơn vị: UBND xã Tr, nội dung hàng hóa: Nước rửa tay khô On 1 500ml, khẩu trang y tế, số tiền ghi trên hóa đơn là 2.050.000 (hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Thực tế ông H đã mua sắm các mặt hàng: nước rửa tay, khẩu trang tại các cửa hàng tạp hóa trên địa bàn thị trấn Nà Phặc (không nhớ địa chỉ) nhưng không có hóa đơn. Sau khi mua được hóa đơn với Thúc, ông H chuyển cho bộ phận kế toán làm thủ tục thanh quyết toán, Th nhận được số tiền 2.050.000 đồng vào tài khoản ngân hàng, Th đã giữ lại số tiền 205.000 đồng tiền bán hóa đơn, số tiền còn lại Th đã trả lại cho ông H.

- Hóa đơn số 0081623, ghi ngày 24/12/2021, người mua hàng Hoàng Văn H, tên đơn vị UBND xã Tr, nội dung hàng hóa: Phô tô tài liệu tuyên truyền nông thôn mới năm 2021, nước ngọt CocaCola, Bánh Chocopie, Bánh bông lan, Kẹo Al penliebe, tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 1.000.000 (một triệu đồng (trong đó, mục phô tô tài liệu là dịch vụ thực tế ông H mua với Th, các mục khác ghi thêm với số tiền là 630.000 đồng)). Sau khi hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán, Th nhận được số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng, Th giữ lại số tiền bán hàng thực tế và 63.000 đồng tiền bán hóa đơn, trả lại cho ông H số tiền còn lại.

- Hóa đơn số 0018990, ngày 15/6/2021, người mua hàng: Hoàng Văn H, tên đơn vị: UBND xã Tr, nội dung hàng hóa: Tiền nước, bánh kẹo phục vụ hội nghị tuyên truyền bầu cử 08 hội nghị, số tiền ghi trên hóa đơn 2.400.000 (hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Thực tế, ông H mua nước, bánh kẹo ở các cửa hàng tạp hóa trên địa bàn xã Tr (không nhớ địa chỉ cụ thể) nhưng không có hóa đơn. Ông H trả cho Th số tiền 240.000 đồng tiền mua hóa đơn.

- Hóa đơn số 0018620, ngày 23/12/2021, người mua hàng: Hoàng Văn H, tên đơn vị: UBND xã Tr, nội dung hàng hóa: bánh quy cosy 612g, bánh bông lan 324g, nước ngọt cocaCola 390ml, bánh chocopie 396g, kẹo Al penliebe, tổng số tiền 6.050.000 (sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Thực tế, ông H mua nước, bánh kẹo ở các cửa hàng tạp hóa trên địa bàn xã Tr (không nhớ địa chỉ cụ thể) nhưng không có hóa đơn. Ông H trả cho Th số tiền 605.000 đồng tiền mua hóa

đơn.

13. Bán cho ông Nguyễn Văn T 01 (một) số hóa đơn bán hàng, cụ thể:

Tháng 12/2021, ông Nguyễn Văn T là Chủ tịch Hội Nông dân xã Tr mua sắm các mặt hàng bánh kẹo phục vụ Hội nghị tuyên truyền thực hiện Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới của UBND xã Tr tại các cửa hàng tạp hóa trên địa bàn xã Tr (không nhớ địa chỉ cụ thể) nhưng không xuất được hóa đơn. Ông T đã trao đổi, thống nhất với Th sẽ mua của Th 01 (một) số hóa đơn để làm thủ tục thanh quyết toán thì được Th đồng ý. Th bán cho ông T 01 (một) hóa đơn số 0081624, ghi ngày 24/12/2021, người mua hàng Nguyễn Văn T, tên đơn vị UBND xã Tr, nội dung hàng hóa: Nước ngọt cocacola 390ml, bánh chocopie 396g, Kẹo Alpenliebe, Bánh quy oreo, số tiền ghi trên hóa đơn 1.000.000 (một triệu đồng). Sau khi hoàn tất thủ tục thanh quyết toán, số tiền 1.000.000 đồng được chuyển vào tài khoản ngân hàng của Th, Th giữ lại số tiền 100.000 đồng bán hóa đơn và trả lại cho ông T số tiền 900.000 đồng.

Quá trình điều tra đối với Nguyễn Chí Th xác định: Từ năm 2019 đến năm 2021 Th bán trái phép 20 (hai mươi) số hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung của Hộ kinh doanh Nguyễn Chí Th với tổng số tiền (ghi trên hóa đơn liên 2) là 76.160.000 (bảy mươi sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng), tiền bán hóa đơn mức 10% trên mỗi hóa đơn có nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo tương đương với số tiền 6.802.500 (sáu triệu tám trăm linh hai nghìn năm trăm đồng), Th nộp số tiền thuế phát sinh trên hóa đơn hàng tháng bằng 4,5% tổng số tiền ghi trên hóa đơn (trong đó: 3% thuế giá trị gia tăng và 1,5% thuế thu nhập cá nhân) với Chi cục Thuế khu vực B - N - P tương ứng với số tiền 1.129.725 (một triệu một trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng). Tổng số tiền Th thu lợi bất chính từ việc bán 20 (hai mươi) số hóa đơn nêu trên là 5.672.775 (năm triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng).

Chi cục Thuế khu vực B - N - P xác nhận: Hộ kinh doanh Nguyễn Chí Th nộp thuế theo phương pháp khoán, từ tháng 09/2022 nộp thuế theo hình thức kê khai thuế, người đến kê khai nộp thuế là Nguyễn Chí Th, kê khai nộp thuế đầy đủ, đến thời điểm xác minh ngày 12/6/2024 Thức không nợ thuế.

Tại bản Kết luận giám định số 305/KL-KTHS ngày 18/9/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết dưới mục “Người bán hàng” trên các mẫu căn giám định ký hiệu A4, A7, A8, A9, A10 (Liên 1); A13, A14, A15, A16, A17, A18, A19, A20 (Liên 2) trừ các chữ ký, chữ viết dưới mục “Người mua hàng” trên các mẫu căn giám định (liên 1 và liên 2) so với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Chí Th trên mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký ra, viết ra.

Chữ ký dưới mục “Người bán hàng” trên mẫu cần giám định ký hiệu A6 (liên 1) với chữ ký của ông Nguyễn Chí Th trên mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký ra.

2. Chữ ký dưới mục “Người bán hàng” trên mẫu cần giám định ký hiệu A11, A12 (Liên 2) so với chữ ký của ông Nguyễn Chí Th mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) không đồng dạng, không tiến hành giám định; Chữ viết dưới mục “Người bán hàng” trên mẫu cần giám định ký hiệu A11, A12 (Liên 2) so với chữ viết của ông Nguyễn Chí Th mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) không phải do cùng một người viết ra.

3. Chữ viết phần nội dung trên mẫu cần giám định ký hiệu A3, A4, A7, A8, A9, A10 (Liên 1); A13, A14, A17, A18, A19, A20 (Liên 2) so với chữ viết của ông Nguyễn Chí Th mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người viết ra.

4. Chữ viết phần nội dung trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A5, A6 (liên 1); A11, A12, A15, A16 (liên 2) so với chữ viết của ông Nguyễn Chí Th mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) không phải do cùng một người viết ra.

5. Dưới mục “Người bán hàng” mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A5 không có chữ ký, không tiến hành giám định.”

Tại Bản kết luận giám định số 310/KL-KTHS ngày 20/9/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, kết luận:

1. Chữ ký không đọc được và dòng chữ viết “*Nguyễn Chí Th*” dưới mục “*Người bán hàng*” trên hóa đơn bán hàng mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A11, A12; A13; A14; A15; A16) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Chí Th trên mẫu so sánh (ký hiệu M1; M2) là do cùng một người ký ra, viết ra.

2. Chữ viết phần nội dung trên hóa đơn bán hàng mẫu cần giám định (ký hiệu A3, A4, A5, A6, A7, A8, A11, A12; A13; A14; A15; A16) so với chữ viết của Nguyễn Chí Th trên mẫu so sánh (ký hiệu M1; M2) là do cùng một người viết ra.

3. Chữ viết “*Nguyễn Chí Th*” dưới mục “*Người bán hàng*” trên hóa đơn bán hàng mẫu cần giám định (ký hiệu A17; A18; A19) so với chữ viết của Nguyễn Chí Th trên mẫu so sánh (ký hiệu M1; M2) không phải do cùng một người viết ra.

4. Chữ viết phần nội dung trên hóa đơn bán hàng mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A9, A10, A17; A18; A19) so với chữ viết của Nguyễn Chí Th trên mẫu so sánh (ký hiệu M1; M2) không phải do cùng một người viết ra.

Không tiến hành giám định hóa đơn bán hàng số 0088607 liên 2 (ký hiệu A20) vì là bản photocopy.”

Tại Bản kết luận giám định số 367/KL-KTHS ngày 14/11/2024 của Phòng kỹ

thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, kết luận:

1. Chữ viết nội dung trên 06 (sáu) hóa đơn mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A1-1, A2, A2-1, A9, A10) liên 1, (trừ mục “*Người mua hàng*”. “*Người bán hàng*” với chữ viết của Nông Thị X trên mẫu so sánh (ký hiệu M2) là do cùng một người viết ra.

2. Chữ viết trên 02 (hai) hóa đơn mẫu cần giám định (ký hiệu A5, A6) liên 1; (A15, A16) liên 2 (trừ mục “*Người mua hàng*”, “*Người bán hàng*”) so với chữ viết của Nông Thị X trên mẫu so sánh (ký hiệu M2) là do cùng một người viết ra.

3. Chữ ký, chữ viết dưới mục “*Người bán hàng*” trên 02 (hai) hóa đơn mẫu cần giám định (ký hiệu A7, A8) liên 1 với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Chí Th trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) là do cùng một người ký, viết ra (không phải chữ viết, chữ ký của Nông Thị X).

4. Chữ ký, chữ viết dưới mục “*Người bán hàng*” trên 05 (năm) hóa đơn mẫu cần giám định (ký hiệu A11, A12, A17, A18, A19) liên 2 với chữ ký, chữ viết của Nông Thị X trên mẫu so sánh (ký hiệu M2, M3) là do cùng một người ký ra, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết dưới mục “*Người bán hàng*” trên mẫu cần giám định hóa đơn bán hàng số 008867 (ký hiệu A20) liên 2 là bản photocopy nên không tiến hành giám định”.

Quá trình điều tra, truy tố Nguyễn Chí Th đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, Th là người trực tiếp thực hiện mọi hoạt động kinh doanh, quản lý con dấu, hóa đơn của Hộ kinh doanh Nguyễn Chí Th, người mua hàng liên hệ hỏi mua hóa đơn đều liên hệ trực tiếp với Th tuy nhiên có một số lần do bận việc nên Th đã nhờ vợ là Nông Thị X ghi nội dung trên hóa đơn hóa đơn, trong các số hóa đơn đã bán có 08 (tám) số hóa đơn Xu hộ Th viết nội dung trên hóa đơn xuất cho người mua hàng nhưng không có hàng hóa dịch vụ kèm theo (gồm các hóa đơn: 0088607, 0088618, 0008371, 0091397, 0094139, 0094148, 0078990, 0078992). Tuy nhiên X chỉ ghi theo những nội dung Th đã nói, X không biết việc trao đổi, thỏa thuận mua bán trái phép hóa đơn của Th, không được hưởng lợi từ hành vi của Th. Lời khai của bị can phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKS-N, ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Nguyễn Chí Th về tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn giữ quyền công tố, kiểm sát xét xử trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử

tuyên bố bị cáo Nguyễn Chí Th phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Đề nghị xử lý bị cáo như sau:

- **Về trách nhiệm hình sự:** Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 203; Điều 38; Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí Th từ 06 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung: phạt tiền đối với bị cáo từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng sung ngân sách Nhà nước.

- **Về xử lý vật chứng trong vụ án:** Áp dụng Điều 106 BLTTHS, Điều 47 Bộ luật hình sự, lưu theo hồ sơ vụ án: 20 số hóa đơn bán hàng ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo Th đã bán trái phép cùng các chứng từ liên quan; sổ phụ tài khoản số 8604205030445 của Nguyễn Chí Th ngày phát sinh trước 31/12/2018, sổ dư cuối ngày 31/12/2022 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện N. Những vật chứng này là chứng cứ được lưu theo hồ sơ vụ án.

Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 5.672.775 đồng (năm triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng) thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Ghi nhận trước khi tòa án mở phiên tòa xét xử bị cáo đã nộp số tiền 5.672.775 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N để đảm bảo thi hành án nên cần tạm giữ toàn bộ số tiền 5.672.775 đồng bị cáo đã nộp là tự nguyện để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố. Bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận hay khiếu nại gì. Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng hình phạt chính là phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có yêu cầu, đề nghị gì đối với bị cáo. Bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Xét thấy những người vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử

nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt

Tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2021, lợi dụng việc bản thân được cấp phép hoạt động hộ kinh doanh, Nguyễn Chí Th đã có hành vi bán trái phép 20 (hai mươi) số hóa đơn đã ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo cho các cá nhân, đơn vị trên địa bàn huyện N, tỉnh Bắc Kạn và huyện Ng, tỉnh Cao Bằng. Cụ thể: Bán trái phép 20 số hóa đơn với tổng số tiền ghi trên hóa đơn 76.160.000 đồng (bảy mươi sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). Thu tiền bán hóa đơn với mức 10% trên mỗi hóa đơn, tương ứng với số tiền là 6.802.500 đồng (sáu triệu tám trăm linh hai nghìn năm trăm đồng). Sau khi nộp tiền thuế phát sinh trên hóa đơn, Th thu lợi bất chính số tiền là: 5.672.775 đồng (năm triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức việc mua bán trái phép hóa đơn không kèm theo hàng hóa để thu lợi bất chính là xâm phạm hoạt động quản lý tài chính của Nhà nước nhưng vì vụ lợi đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Với số lượng hóa đơn giá trị gia tăng mà bị cáo đã bán trái phép 20 (hai mươi) số hóa đơn đã ghi nội dung (từ 01 đến dưới 20 số), đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép hóa đơn theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính; làm giảm thu ngân sách Nhà nước, gây mất trật tự trị an nên cần quyết định hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 5.672.775 đồng (năm triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng) để sung ngân sách Nhà nước; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có ông ngoại Hứa Văn T được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, bà ngoại Hoàng Thị V được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, bác ruột Nguyễn Xuân H được Nhà nước tặng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Ba và bác ruột Hứa Văn Tr được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội xâm phạm đến lĩnh vực tài chính lần đầu. Hiện nay chính sách pháp luật của Nhà nước đối với các tội phạm về kinh tế có xu hướng tăng cường phạt tiền để nhằm thu lại khoản tiền bị cáo đã gây thất thoát cho Nhà nước, cụ thể tại khoản 1, khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” đều có quy định phạt tiền là hình phạt chính. Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có ý thức sửa chữa sai lầm, có đủ điều kiện về kinh tế để thi hành hình phạt tiền, không nhất thiết phải áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa, có thể áp dụng phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự là đủ tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Xét đề nghị mức hình phạt của đại diện viện kiểm sát đưa ra đối với bị cáo là không cần thiết áp dụng với hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Bị cáo đã bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính. Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý tiền thu lợi bất chính và xử lý vật chứng trong vụ án

- 20 (hai mươi) sổ hóa đơn bán hàng ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo Th đã bán trái phép cùng các chứng từ liên quan; sổ phụ tài khoản số 8604205030445 của Nguyễn Chí Th ngày phát sinh trước 31/12/2018, sổ dư cuối ngày 31/12/2022 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện N. Những vật chứng này là chứng cứ được lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với số tiền 5.672.775 đồng (năm triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng) do bị cáo thu lợi bất chính cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Ghi nhận trước khi tòa án mở phiên tòa xét xử bị cáo đã nộp số tiền 5.672.775 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Số tiền 5.672.775 đồng bị cáo đã nộp là tự nguyện cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Các vấn đề liên quan trong vụ án:

- Đối với Nông Thị X (vợ Nguyễn Chí Th): Quá trình điều tra xác định khi

viết 08 hóa đơn bán hàng nhưng không có hàng hóa dịch vụ kèm theo cho người mua hàng thay Th, X chỉ thực hiện viết những nội dung Th nói lại và được sự đồng ý của Th, không biết việc Th bán hóa đơn trái phép, không được hưởng lợi từ việc bán hóa đơn. Do đó, hành vi của X không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự, Cơ quan điều tra đề nghị Chi cục Thuế khu vực B - N - Pắc N xem xét xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định.

- Đối với các cá nhân Phạm Thị O mua 01 hóa đơn, Hoàng Gia T mua 02 hóa đơn, Nông Thị L mua 01 hóa đơn, Hứa Xuân Kh mua 01 hóa đơn, Lương Cảnh D mua 01 hóa đơn, Nguyễn Trọng L mua 01 hóa đơn, Lành Quốc Tr mua 01 hóa đơn, Hoàng Thị M mua 01 hóa đơn, Nguyễn Thị V mua 04 hóa đơn, Tô Văn D mua 01 hóa đơn, Chu Thị H mua 01 hóa đơn, Hoàng Văn H mua 04 hóa đơn và Nguyễn Văn T mua 01 hóa đơn: Những người này đã có hành vi mua trái phép hóa đơn với Nguyễn Chí Th tuy nhiên đều dưới mức định lượng không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý theo quy định về cán bộ, công chức, viên chức có liên quan là đúng quy định.

- Đối với các đơn vị Ban quản lý Chương trình Childfund huyện N, Phòng Nội vụ huyện N, Trường Mầm non Quốc lập N, UBND xã Th, UBND thị trấn P, Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện N, Trường THCS-THPT P, UBND xã Tr: Quá trình điều tra xác định việc thanh quyết toán để chi cho các hoạt động của các đơn vị này là đúng thực tế, không có việc chiếm đoạt, sử dụng sai mục đích. Cơ quan điều tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền chấn chỉnh các hoạt động trong công tác thanh quyết toán Ngân sách Nhà nước và không xử lý đối với các đơn vị này là đúng quy định.

- Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định được có 02 số hóa đơn 0094114 (ghi ngày 05/11/2020, người mua hàng: Ma Thị D, đơn vị: Trường THCS-THPT P) và 0018976 (ghi ngày 25/5/2021 người mua hàng: Vi Thị Nh, đơn vị Trường TH-THCS P) người mua liên hệ Th để mua hàng hóa, dịch vụ nhưng do Th không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu nên người mua không tiếp tục giao dịch mua hàng hóa dịch vụ, không lấy hóa đơn và chưa trả cho Th khoản tiền nào, tuy nhiên Th không báo hủy, sai sót hóa đơn mà vẫn kê khai và thực hiện các nghĩa vụ thuế đối với 02 hóa đơn này. Xét hành vi của Th đối với 02 hóa đơn trên không cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự, cơ quan điều tra đề nghị Chi cục Thuế khu vực B - N - Pắc N xem xét xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Chí Th phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

1. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 203, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí Th số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng trong vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Lưu theo hồ sơ vụ án 20 (hai mươi) số hóa đơn bán hàng ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo Th đã bán trái phép cùng các chứng từ liên quan; sổ phụ tài khoản số 8604205030445 của Nguyễn Chí Th ngày phát sinh trước 31/12/2018, số dư cuối ngày 31/12/2022 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

2.2. Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 5.672.775 đồng (năm triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2.3. Tạm giữ số tiền 5.672.775 đồng (năm triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng) bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001731, ngày 10/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS huyện N;
- Công an tỉnh Bắc Kạn (PC10);
- Công an TT P;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hiền Công Hanh